

Số: 90 /2024/QĐ-UMT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Đề án Tuyển sinh đại học chính quy năm 2024
của Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh**

**HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Quyết định số 467/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc cho phép thành lập Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 07/2023/QĐ-UMT ngày 06 tháng 02 năm 2023 của Hiệu trưởng ban hành Quy chế tuyển sinh đại học của Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐT ngày 01 tháng 06 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh về việc thông qua chỉ tiêu tuyển sinh và kế hoạch tuyển sinh năm học 2024-2025;

Theo đề nghị của Hội đồng Tuyển sinh năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Đề án Tuyển sinh đại học chính quy năm 2024 của Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh (đính kèm).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Thành viên Hội đồng Tuyển sinh năm 2024, Trưởng các đơn vị trong Trường và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: NSHC, ĐT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Huỳnh Thúy Phương



ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2024

I. Thông tin chung

1. Tên trường

Tên trường: Trường Đại học Quản lý và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh.

Tên tiếng Anh: University of Management and Technology Ho Chi Minh City.

2. Mã trường: UMT

3. Địa chỉ trụ sở

Trụ sở chính: Đường 60CL, Khu Đô Thị Cát Lái, P. Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP.HCM.

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo: www.umat.edu.vn

5. Địa chỉ các trang mạng xã hội của cơ sở đào tạo (có thông tin tuyển sinh):

<https://www.facebook.com/UMTUniversity>

6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: +84 28 3636 9119

7. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp: Trường tuyển sinh khóa đầu tiên vào năm 2022 nên không có các nội dung về việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

8. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất:

8.1. Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của năm 2022 và năm 2023 trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://tuyensinh.umat.edu.vn/>

8.2. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất

8.2.1. Phương thức tuyển sinh của năm 2022: 5 phương thức

Phương thức	Mã Phương thức	Tên phương thức
PT1	100	Xét kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022
PT2	200	Xét kết quả học tập 3 năm THPT (học bạ) - Xét tuyển dựa trên Kết quả học tập 5 học kỳ (cả năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12) - Xét tuyển dựa trên Kết quả học tập 3 năm THPT (cả năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12) - Xét tuyển dựa trên Kết quả học tập lớp 12 theo tổ hợp môn xét tuyển
PT3	303	Ưu tiên xét tuyển thẳng theo quy định của trường UMT
PT4	402	Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của đại học Quốc gia TP.HCM năm 2022
PT5	301	Xét tuyển thẳng, theo Điều 8 Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ GD-ĐT

8.2.2. Phương thức tuyển sinh của năm 2023: 05 phương thức

Phương thức	Mã Phương thức	Tên phương thức
PT1	100	Xét kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023
PT2	200	Xét kết quả học tập 3 năm THPT (học bạ) - Xét tuyển dựa trên Kết quả học tập 5 học kỳ (cả năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12) - Xét tuyển dựa trên Kết quả học tập 3 học kỳ (cả năm lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12) - Xét tuyển dựa trên Kết quả học tập 3 năm THPT (cả năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12) - Xét tuyển dựa trên Kết quả học tập lớp 12 theo tổ hợp môn xét tuyển
PT3	303	Ưu tiên xét tuyển thẳng theo quy định của trường UMT
PT4	402	Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của đại học Quốc gia TP.HCM năm 2023
PT5	301	Xét tuyển thẳng, theo Điều 8 Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ GD-ĐT

8.3. Điểm trúng tuyển của 02 năm gần nhất

8.3.1 Điểm trúng tuyển của năm 2022

STT	Tên ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển theo PT1	Điểm trúng tuyển	Tổ hợp môn xét tuyển theo PT2	Điểm trúng tuyển
1	Công nghệ thông tin	7480201	A00, A01, D01, D03, D07	15,00	3YS, 5HK, Điểm TB cả năm lớp 12 của các môn theo tổ hợp (A00, A01, D01, D03, D07)	6.0
2	Quản trị kinh doanh	7340101	A00, A01, D01, D03, C00	15,00	3YS, 5HK, Điểm TB cả năm lớp 12 của các môn theo tổ hợp (A00, A01, D01, D03, C00)	6.0
3	Marketing	7340115				
4	Bất động sản	7340116				
5	Kinh doanh quốc tế	7340120				
6	Quản lý thể dục thể thao	7810301	A01, D01, D03, T00, T01	15,00	3YS, 5HK, Điểm TB cả năm lớp 12 của	6.0

STT	Tên ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển theo PT1	Điểm trúng tuyển	Tổ hợp môn xét tuyển theo PT2	Điểm trúng tuyển
					các môn theo tổ hợp (A01, D01, D03, T00, T01)	

8.3.2 Điểm trúng tuyển của năm 2023

STT	Tên ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển theo PT1	Điểm trúng tuyển	Tổ hợp môn xét tuyển theo PT2	Điểm trúng tuyển
1	Công nghệ thông tin	7480201	A00, A01, D01, D03, D07	15,00	3YS, 5HK, Điểm TB cả năm lớp 12 của các môn theo tổ hợp (A00, A01, D01, D03, D07)	6,0
2	Quản trị kinh doanh	7340101	A00, A01, D01, D03, C00	15,00	3YS, 5HK, Điểm TB cả năm lớp 12 của các môn theo tổ hợp (A00, A01, D01, D03, C00)	6,0
3	Marketing	7340115				
4	Bất động sản	7340116				
5	Kinh doanh quốc tế	7340120				
6	Truyền thông đa phương tiện	7320104				
7	Quản lý thể dục thể thao	7810301	A01, D01, D03, B04, B08	15,00	3YS, 5HK, Điểm TB cả năm lớp 12 của các môn theo tổ hợp (A01, D01, D03, T00, T01)	6,0
8	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	A00, A01, D01/D03, D07	15,00	3YS, 5HK, Điểm TB cả năm lớp 12 của các môn theo tổ hợp (A00, A01, D01, D03, D07)	6,0

9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo

Đường link công khai danh mục ngành được phép đào tạo trên trang thông tin điện tử của CSĐT: www.umd.edu.vn

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Quản lý thể dục thể thao	7810301	363/QĐ-BGDĐT	25/01/2022			Bộ GD&ĐT	2022	2022
2	Công nghệ thông tin	7480201	3926/QĐ-BGDĐT	04/11/2021			Bộ GD&ĐT	2022	2022
3	Quản trị kinh doanh	7340101	3325/QĐ-BGDĐT	14/10/2021			Bộ GD&ĐT	2022	2022
4	Bất động sản	7340116	3925/QĐ-BGDĐT	04/11/2021			Bộ GD&ĐT	2022	2022
5	Marketing	7340115	4770/QĐ-BGDĐT	21/12/2021			Bộ GD&ĐT	2022	2022
6	Kinh doanh quốc tế	7340120	4771/QĐ-BGDĐT	21/12/2021			Bộ GD&ĐT	2022	2022
7	Truyền thông đa phương tiện	7320104	364/QĐ-BGDĐT	25/01/2022			Bộ GD&ĐT	2023	2023
8	Thiết kế đồ họa	7210403	3326/QĐ-BGDĐT	14/10/2021			Bộ GD&ĐT	2024	-
9	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	1666/QĐ-BGDĐT	15/6/2023			Bộ GD&ĐT	2023	2023

10. Điều kiện bảo đảm chất lượng (phụ lục 1)

Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của CSĐT: www.umd.edu.vn

11. Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của CSĐT: www.umd.edu.vn

12. Đường link công khai Quy chế tuyển sinh của cơ sở đào tạo trên trang thông tin điện tử của CSĐT: www.umd.edu.vn

13. Đường link công khai Quy chế thi tuyển sinh (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi) trên trang thông tin điện tử của CSĐT: Không có

14. Đường link công khai Đề án tổ chức thi (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi) trên trang thông tin điện tử của CSĐT: Không có

II. Tuyển sinh đại học chính quy

1. Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức), bao gồm:

a) Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;

b) Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

Đối tượng dự tuyển phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đạt ngưỡng đầu vào của mỗi phương thức, ngành tuyển sinh;
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

2. Phạm vi tuyển sinh

Trường tổ chức tuyển sinh trong phạm vi cả nước, không giới hạn độ tuổi và năm tốt nghiệp của thí sinh tham gia xét tuyển vào Trường.

3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

Năm 2024, Trường tổ chức tuyển sinh bằng hình thức xét tuyển đối với tất cả các ngành bậc đại học hệ chính quy theo các phương thức tuyển sinh như sau:

Phương thức	Mã Phương thức	Tên phương thức
PT1	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024

PT2	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) - Xét tuyển dựa trên Kết quả học tập 5 học kỳ (cả năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12). - Xét tuyển dựa trên Kết quả học tập 3 năm THPT (cả năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12) - Xét tuyển dựa trên Kết quả học tập lớp 12 theo tổ hợp môn xét tuyển. - Xét tuyển dựa trên Kết quả học tập 3 học kỳ (cả năm lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12).
PT3	303	Ưu tiên xét tuyển thẳng theo quy định của trường UMT
PT4	402	Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP. HCM năm 2024
PT5	301	Xét tuyển thẳng, theo Điều 8 Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành

4. Chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến

Tổng chỉ tiêu tuyển sinh các ngành bậc đại học của Trường là **720**. Trường có kế hoạch phân bổ tổng chỉ tiêu của ngành cho từng phương thức như sau:

- Phương thức 1: **288** chỉ tiêu (40% trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh)
- Phương thức 2: **359** chỉ tiêu (50% trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh)
- Phương thức 3: **39** chỉ tiêu (5% trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh)
- Phương thức 4: **26** chỉ tiêu (4% trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh)
- Phương thức 5: **8** chỉ tiêu (1% trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh)

STT	Mã ngành	Tên ngành	Phương thức xét tuyển	Mã phương thức	Chỉ tiêu TS
1	7340101	Quản trị kinh doanh	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024	100	24
2	7340115	Marketing			32
3	7340120	Kinh doanh quốc tế			16
4	7480201	Công nghệ thông tin			108
5	7810301	Quản lý thể dục thể thao			12
6	7320104	Truyền thông đa phương tiện			46
7	7210403	Thiết kế đồ họa			14
8	7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng			36
9	7340101	Quản trị kinh doanh	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	200	30
10	7340115	Marketing			40
11	7340120	Kinh doanh quốc tế			20
12	7480201	Công nghệ thông tin			135
13	7810301	Quản lý thể dục thể thao			14
14	7320104	Truyền thông đa phương tiện			57
15	7210403	Thiết kế đồ họa			18
16	7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng			45
17	7340101	Quản trị kinh doanh	Ưu tiên xét tuyển thẳng theo quy định của trường UMT	303	3
18	7340115	Marketing			4
19	7340120	Kinh doanh quốc tế			2

STT	Mã ngành	Tên ngành	Phương thức xét tuyển	Mã phương thức	Chỉ tiêu TS
20	7480201	Công nghệ thông tin			15
21	7810301	Quản lý thể dục thể thao			2
22	7320104	Truyền thông đa phương tiện			7
23	7210403	Thiết kế đồ họa			1
24	7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng			5
25	7340101	Quản trị kinh doanh	Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP. HCM năm 2024	402	2
26	7340115	Marketing			3
27	7340120	Kinh doanh quốc tế			1
28	7480201	Công nghệ thông tin			11
29	7810301	Quản lý thể dục thể thao			1
30	7320104	Truyền thông đa phương tiện			4
31	7210403	Thiết kế đồ họa			1
32	7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng			3
33	7340101	Quản trị kinh doanh	Xét tuyển thẳng, theo Điều 8 Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành	301	8
34	7340115	Marketing			
35	7340120	Kinh doanh quốc tế			
36	7480201	Công nghệ thông tin			
37	7810301	Quản lý thể dục thể thao			
38	7320104	Truyền thông đa phương tiện			
39	7210403	Thiết kế đồ họa			
40	7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng			
			Tổng cộng		720

5. Ngưỡng đầu vào

Tùy theo từng phương thức tuyển sinh, Trường nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển với ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Trường và các điều kiện như sau:

Phương thức 1: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024

Trường xét tuyển các ngành tuyển sinh bậc đại học với kết quả điểm của các thí sinh đã tham dự kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT) năm 2024 và các tổ hợp môn thi xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT và do Hội đồng tuyển sinh Trường quyết định. Mức điểm tối thiểu nhận hồ sơ xét tuyển của các tổ hợp môn là từ bằng ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Trường quy định trở lên. Thí sinh xem các tổ hợp môn xét tuyển tại “Bảng các ngành tuyển sinh năm 2024” của Đề án tuyển sinh này.

Phương thức 2: Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)

a) Xét tuyển dựa trên Kết quả học tập 5 học kỳ (cả năm lớp 10, lớp 11 và HK 1 lớp 12)

Trường xét tuyển các ngành tuyển sinh bậc đại học với điểm trung bình cộng các môn học trong cả năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 đạt từ 6,0 điểm trở lên cho tất cả các ngành. Điểm trúng tuyển không thấp hơn ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Trường quy định. Công thức tính điểm ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (làm tròn một số thập phân):

$$\text{Điểm ngưỡng đầu vào} = (\text{Điểm TB cả năm lớp 10} + \text{Điểm TB cả năm lớp 11} + \text{Điểm HK 1 lớp 12})/3$$

b) Xét tuyển dựa trên Kết quả học tập 3 năm THPT

Trường xét tuyển các ngành tuyển sinh bậc đại học với điểm trung bình cộng các năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12 từ 6,0 điểm trở lên cho tất cả các ngành. Điểm trúng tuyển không thấp hơn ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Trường quy định. Công thức tính điểm ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (làm tròn một số thập phân):

$$\text{Điểm ngưỡng đầu vào} = (\text{Điểm TB cả năm lớp 10} + \text{Điểm TB cả năm lớp 11} + \text{Điểm TB cả năm lớp 12})/3$$

c) Xét tuyển dựa trên Kết quả học tập lớp 12 theo tổ hợp 3 môn

Trường xét tuyển các ngành tuyển sinh bậc đại học với điểm trung bình cộng cả năm lớp 12 theo tổ hợp 03 môn xét tuyển đạt từ 6,0 điểm trở lên. Điểm trúng tuyển không thấp hơn ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Trường quy định.

Công thức tính điểm ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (làm tròn một số thập phân):

$$\text{Điểm ngưỡng đầu vào} = (\text{Điểm TB lớp 12 môn 1} + \text{Điểm TB lớp 12 môn 2} + \text{Điểm TB lớp 12 môn 3})/3$$

d) Xét tuyển dựa trên Kết quả học tập 3 học kỳ (cả năm lớp 11 và HK 1 lớp 12)

Trường xét tuyển các ngành tuyển sinh bậc đại học với điểm trung bình cộng các môn học trong cả năm lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 đạt từ 6,0 điểm trở lên cho tất cả các ngành. Điểm trúng tuyển không thấp hơn ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Trường quy định. Công thức tính điểm ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (làm tròn một số thập phân):

Điểm ngưỡng đầu vào = (Điểm HK 1 lớp 11 + Điểm HK 2 lớp 11 + Điểm HK 1 lớp 12)/3

Phương thức 3: Ưu tiên xét tuyển thẳng theo quy định của trường UMT

Thí sinh đã tốt nghiệp THPT theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đáp ứng một trong các điều kiện theo yêu cầu đảm bảo chất lượng đầu vào của ngành và của Trường đều có thể nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển. Một trong các điều kiện chi tiết như sau:

- Có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế: IELTS từ 5,0 điểm trở lên hoặc TOEFL iBT từ 61 điểm trở lên hoặc TOEIC từ 600 điểm trở lên; Chứng chỉ SAT (800/1600).
- Có chứng chỉ quốc tế hoặc văn bằng quốc tế liên quan đến lĩnh vực, ngành đăng ký xét tuyển của các đơn vị như Bộ Khoa học và Công nghệ, Microsoft, Cisco, ARENA, APTECH. (Chứng chỉ MOS có điểm từ 700 trở lên; Chứng chỉ IT Passport/FE theo chuẩn CNTT Nhật bản do Bộ Khoa học và Công nghệ cấp; Chứng chỉ nghề nghiệp ACCP/ DISM/ HDSE/ ACNA/ CPISM do Aptech cấp; CCENT, CCT, CCNA do Cisco cấp).
- Đạt giải Khuyến khích trở lên trong các cuộc thi Học sinh giỏi cấp tỉnh/TP, Khoa học Kỹ thuật cấp tỉnh/TP, Olympic truyền thống 30-4.
- Có chứng nhận Vận động viên (VĐV) cấp I quốc gia hoặc đăng cấp dự bị kiện tướng quốc gia, quốc tế; hoặc đạt huy chương tại Đại hội TDTT toàn quốc, Hội khỏe Phù Đổng khu vực/toàn quốc, các giải thể thao học sinh toàn quốc, các giải trẻ quốc gia và quốc tế; Huấn luyện viên đội tuyển quốc gia, đội tuyển trẻ quốc gia được Tổng cục TDTT xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ các giải thi đấu trong và ngoài nước.
- Có bằng Cao đẳng (hoặc tương đương theo quy định của Bộ GD&ĐT).
- Học lực 3 năm THPT (lớp 10, lớp 11, lớp 12) được xếp loại Giỏi.

Phương thức 4: Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP. HCM năm 2024

Thí sinh có kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG TP.HCM tổ chức năm 2024 đạt từ 600 điểm trở lên (thang điểm 1200).

Phương thức 5: Xét tuyển thẳng, theo Điều 8 Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành

Trường tuyển thẳng tất cả thí sinh đủ điều kiện tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT. Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký tuyển thẳng theo quy định.

6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường

- Mã trường: UMT

- Mã tổ hợp môn xét tuyển theo Phương thức 1 (Mã phương thức: 100)

STT	Tên ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển
1	Công nghệ thông tin	7480201	•A00: Toán, Vật lý, Hóa học •A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh •D01/D03: Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh/Tiếng Pháp •D07: Toán, Tiếng Anh, Hóa học
2	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	•D07: Toán, Tiếng Anh, Hóa học
3	Quản trị kinh doanh	7340101	•A00: Toán, Vật lý, Hóa học •A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh •D01/D03: Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh/Tiếng Pháp •C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý
4	Marketing	7340115	
5	Kinh doanh quốc tế	7340120	
6	Truyền thông đa phương tiện	7320104	
7	Quản lý thể dục thể thao	7810301	•A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh •D01/D03: Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh/Tiếng Pháp •B04: Toán, Sinh học, GD&CD •B08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh
8	Thiết kế đồ họa	7210403	•A00: Toán, Vật lý, Hóa học •A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh •D01/D03: Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh/Tiếng Pháp •H01: Toán, Văn, Vẽ

- Mã tổ hợp môn xét tuyển theo Phương thức 2 (Mã phương thức: 200)

STT	Tên ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển
1	Công nghệ thông tin	7480201	•3YS: Điểm TB cả năm lớp 10, 11, 12 •5HK: Điểm TB cả năm lớp 10, 11 và HK1 lớp 12 •Điểm TB cả năm lớp 12 của các môn theo tổ hợp - A00: Toán, Vật lý, Hóa học - A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh - D01/D03: Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh/Tiếng Pháp - D07: Toán, Tiếng Anh, Hóa học •3HK: Điểm TB cả năm lớp 11 và HK1 lớp 12
2	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	
3	Quản trị kinh doanh	7340101	

STT	Tên ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển
4	Marketing	7340115	• 5HK: Điểm TB cả năm lớp 10, 11 và HK1 lớp 12
5	Kinh doanh quốc tế	7340120	• Điểm TB cả năm lớp 12 của các môn theo tổ hợp
6	Truyền thông đa phương tiện	7320104	- A00: Toán, Vật lý, Hóa học - A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh - D01/D03: Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh/Tiếng Pháp - C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý • 3HK: Điểm TB cả năm lớp 11 và HK1 lớp 12
7	Quản lý thể dục thể thao	7810301	• 3YS: Điểm TB cả năm lớp 10, 11, 12 • 5HK: Điểm TB cả năm lớp 10, 11 và HK1 lớp 12 • Điểm TB cả năm lớp 12 của các môn theo tổ hợp - A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh - D01/D03: Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh/Tiếng Pháp - B04: Toán, Sinh học, GD&CD - B08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh • 3HK: Điểm TB cả năm lớp 11 và HK1 lớp 12
8	Thiết kế đồ họa	7210403	• 3YS: Điểm TB cả năm lớp 10, 11, 12 • 5HK: Điểm TB cả năm lớp 10, 11 và HK1 lớp 12 • Điểm TB cả năm lớp 12 của các môn theo tổ hợp - A00: Toán, Vật lý, Hóa học - A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh - D01/D03: Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh/Tiếng Pháp - H01: Toán, Văn, Vẽ 3HK: Điểm TB cả năm lớp 11 và HK1 lớp 12

- Mã tổ hợp môn xét tuyển theo Phương thức 3 (Mã phương thức: 303)

STT	Tên ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển
1	Công nghệ thông tin	7480201	• UMT01: IELTS/TOEIC/TOEFL iBT/SAT • UMT02: Chứng chỉ Tin học Quốc tế • UMT03: Giải HSG cấp Tỉnh trở lên • UMT05: Bằng CD trở lên • UMT06: HSG 3 năm THPT
2	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	• UMT01: IELTS/TOEIC/TOEFL iBT • UMT03: Giải HSG cấp Tỉnh trở lên • UMT05: Bằng CD trở lên • UMT06: HSG 3 năm THPT
3	Quản trị kinh doanh	7340101	
4	Marketing	7340115	
5	Kinh doanh quốc tế	7340120	
6	Truyền thông đa phương tiện	7320104	
7	Thiết kế đồ họa	7210403	
8	Quản lý thể dục thể thao	7810301	• UMT01: IELTS/TOEIC/TOEFL iBT • UMT02: Chứng chỉ Tin học Quốc tế • UMT03: Giải HSG cấp Tỉnh trở lên • UMT04: Chứng nhận VĐV cấp 1 QG • UMT05: Bằng CD trở lên • UMT06: HSG 3 năm THPT

- Mã tổ hợp môn xét tuyển theo Phương thức 4 (Mã phương thức: 402)

STT	Tên ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển
1	Công nghệ thông tin	7480201	• NL1: Kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của ĐH Quốc gia TP.HCM năm 2024
2	Quản trị kinh doanh	7340101	
3	Marketing	7340115	
4	Thiết kế đồ họa	7210403	
5	Kinh doanh quốc tế	7340120	
6	Truyền thông đa phương tiện	7320104	
7	Quản lý thể dục thể thao	7810301	
8	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	

Các tiêu chí xác định xét tuyển và quyết định điểm trúng tuyển cho tất cả các ngành tuyển sinh của trường, theo từng phương thức như sau:

Phương thức 1: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024

Hội đồng tuyển sinh Trường quyết định điểm trúng tuyển căn cứ trên tổng điểm của tổ hợp môn xét tuyển (gồm điểm nhân hệ số, nếu có) và điểm ưu tiên khu vực, đối tượng (nếu có); lấy điểm trúng tuyển từ cao xuống cho từng ngành và điểm không thấp hơn ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Trường quy định.

Trường không sử dụng kết quả miễn thi môn ngoại ngữ của thí sinh trong kỳ thi tốt nghiệp THPT để tính điểm xét tuyển vào Trường.

Phương thức 2: Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)

a) Xét tuyển dựa trên Kết quả học tập 5 học kỳ (cả năm lớp 10, lớp 11 và HK 1 lớp 12)

Điểm trung bình cộng các môn học trong cả năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 từ 6,0 điểm trở lên cho tất cả các ngành (điểm làm tròn đến một số thập phân). Điểm trúng tuyển không thấp hơn ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Trường quy định. Công thức tính điểm xét tuyển:

$$\text{Điểm xét tuyển} = (\text{Điểm TB cả năm lớp 10} + \text{Điểm TB cả năm lớp 11} + \text{Điểm HK 1 lớp 12})/3 + \text{Điểm ưu tiên}$$

b) Xét tuyển dựa trên Kết quả học tập 3 năm THPT

Điểm trung bình cộng các năm lớp 10, lớp 11 và cả năm lớp 12 từ 6,0 điểm trở lên cho tất cả các ngành (điểm làm tròn đến một số thập phân). Điểm trúng tuyển không thấp hơn ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Trường quy định. Công thức tính điểm xét tuyển:

$$\text{Điểm xét tuyển} = (\text{Điểm TB cả năm lớp 10} + \text{Điểm TB cả năm lớp 11} + \text{Điểm TB cả năm lớp 12})/3 + \text{Điểm ưu tiên}$$

c) Xét tuyển dựa trên Kết quả học tập cả năm lớp 12 theo tổ hợp 3 môn

Điểm trung bình cộng 03 (ba) môn trong tổ hợp môn xét tuyển của cả năm lớp 12 từ 6.0 điểm trở lên cho tất cả các ngành (điểm làm tròn một số thập phân). Điểm trúng tuyển không thấp hơn ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Trường quy định. Công thức tính điểm xét tuyển:

$$\text{Điểm xét tuyển} = (\text{Điểm TB cả năm lớp 12 môn 1} + \text{Điểm TB cả năm lớp 12 môn 2} + \text{Điểm TB cả năm lớp 12 môn 3})/3 + \text{Điểm ưu tiên}$$

d) Xét tuyển dựa trên Kết quả học tập 3 học kỳ (cả năm lớp 11 và HK 1 lớp 12)

Điểm trung bình cộng các môn học trong cả năm lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 từ 6,0 điểm trở lên cho tất cả các ngành (điểm làm tròn đến một số thập phân). Điểm trúng tuyển không thấp hơn ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Trường quy định. Công thức tính điểm xét tuyển:

$$\text{Điểm xét tuyển} = (\text{Điểm HK 1 lớp 11} + \text{Điểm HK 2 lớp 11} + \text{Điểm HK 1 lớp 12})/3 + \text{Điểm ưu tiên}$$

Phương thức 3: Ưu tiên xét tuyển thẳng theo quy định của trường UMT

Thí sinh đã tốt nghiệp THPT theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, và đáp ứng một trong các điều kiện theo yêu cầu của ngành và đảm bảo chất lượng đầu vào của Trường đều có thể nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển. Một trong các điều kiện chi tiết như sau:

- Có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế: IELTS từ 5,0 điểm trở lên hoặc TOEFL iBT từ 61 điểm trở lên hoặc TOEIC từ 600 điểm trở lên; Chứng chỉ SAT (800/1600).
- Có chứng chỉ quốc tế hoặc văn bằng quốc tế liên quan đến lĩnh vực, ngành đăng ký xét tuyển của các đơn vị như Bộ khoa học và Công nghệ, Microsoft, Cisco, ARENA, APTECH Ví dụ: Chứng chỉ MOS có điểm từ 700 trở lên; Chứng chỉ IT Passport/FE theo chuẩn CNTT Nhật bản do Bộ KH-CN cấp; Chứng chỉ nghề nghiệp ACCP/ DISM/ HDSE/ ACNA/ CPISM do Aptech cấp; CCENT, CCT, CCNA do Cisco cấp.
- Đạt giải Khuyến khích trở lên trong các cuộc thi Học sinh giỏi cấp tỉnh/TP, Khoa học Kỹ thuật cấp tỉnh/TP, Olympic truyền thống 30-4.
- Có chứng nhận Vận động viên (VĐV) cấp I quốc gia hoặc đăng cấp dự bị kiện tướng quốc gia, quốc tế; hoặc đạt huy chương tại Đại hội TDTT toàn quốc, Hội khỏe Phù đồng khu vực/toàn quốc, các giải thể thao học sinh toàn quốc, các giải trẻ quốc gia và quốc tế; Huấn luyện viên đội tuyển quốc gia, đội tuyển trẻ quốc gia được Tổng cục TDTT xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ các giải thi đấu trong và ngoài nước.
- Có bằng Cao đẳng (hoặc tương đương theo quy định của Bộ GD&ĐT).
- Học lực 3 năm THPT (lớp 10, lớp 11, lớp 12) được xếp loại Giỏi.

Phương thức 4: Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP. HCM năm 2024

Thí sinh có kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG TP.HCM tổ chức năm 2024 đạt từ 600 điểm trở lên (thang điểm 1200).

Phương thức 5: Xét tuyển thẳng, theo Điều 8 Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành

Trường tuyển thẳng tất cả thí sinh đủ điều kiện tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT. Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký tuyển thẳng theo quy định tuyển thẳng.

7. Tổ chức tuyển sinh

a) Thời gian tuyển sinh

Thời gian nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển của từng đợt sẽ thông tin trong thông báo tuyển sinh của Trường. Tùy tình hình tuyển sinh các đợt của Trường, Hội đồng tuyển sinh sẽ quyết định các ngành, chỉ tiêu cho các đợt tiếp theo nếu còn chỉ tiêu. Trường dự kiến thời gian cho các đợt nhận hồ sơ như sau:

Đợt xét tuyển sớm: Đối với phương thức 2, 3, 4 (theo phương thức riêng của Trường):

- Đợt 1: từ ngày 20/02/2024 đến ngày 31/03/2024
- Đợt 2: từ ngày 01/04/2024 đến ngày 05/05/2024
- Đợt 3: từ ngày 06/05/2024 đến ngày 31/05/2024
- Đợt 4: từ ngày 01/06/2024 đến ngày 05/07/2024 (dự kiến)

Đợt xét tuyển chính thức (theo mốc thời gian chung của Bộ GD&ĐT) áp dụng cho tất cả các phương thức tuyển sinh

- Đợt 5: từ ngày 10/07/2024 đến ngày 30/07/2024

Đợt xét tuyển bổ sung: Hội đồng tuyển sinh của trường quyết định và sẽ có thông báo hướng dẫn cụ thể.

b) Hình thức nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển

- Đối với đợt xét tuyển sớm theo phương thức 2, 3, 4: Thí sinh đăng ký thông tin xét tuyển trực tuyến trên trang điện tử của Trường hoặc tải mẫu Phiếu đăng ký xét tuyển, và nộp kèm các hồ sơ liên quan (tùy theo phương thức xét tuyển).

- Đối với đợt xét tuyển chính thức: Thí sinh đăng ký xét tuyển trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GD&ĐT đồng thời đăng ký thông tin xét tuyển trực tuyến trên trang điện tử của Trường nếu thí sinh chưa đăng ký xét tuyển sớm.

- Đối với các đợt xét tuyển bổ sung: Thí sinh theo dõi thông báo của Trường và đăng ký thông tin xét tuyển trực tuyến trên trang điện tử của Trường hoặc gửi hồ sơ đăng ký qua đường bưu điện.

Thí sinh nộp hồ sơ xét tuyển trực tuyến/ trực tiếp tại Trường hoặc gửi qua bưu điện. Đối với hồ sơ gửi qua bưu điện, Trường sẽ căn cứ thời gian trên dấu bưu điện để xác định tính hợp lệ của hồ sơ cho từng đợt xét tuyển.

c) Hồ sơ đăng ký xét tuyển

Thí sinh đăng ký xét tuyển theo phương thức phương thức 2, 3, 4 nộp các loại giấy tờ sau:

- Phiếu đăng ký xét tuyển (điền thông tin tại đường dẫn <http://xettuyen.umd.edu.vn> hoặc tải mẫu).
- Bản photo Bằng tốt nghiệp THPT hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời.

- Hồ sơ minh chứng tùy theo phương thức xét tuyển:

Mã phương thức	Hồ sơ minh chứng
200	Bản photo Học bạ THPT, Kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024 Bản photo Hồ sơ minh chứng đối tượng ưu tiên (nếu có).
303	Bản photo của một trong các giấy tờ sau: - Chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế: IELTS từ 5,0 điểm trở lên hoặc TOEFL iBT từ 61 điểm trở lên hoặc TOEIC từ 600 điểm trở lên; Chứng chỉ SAT (800/1600) - Chứng chỉ quốc tế hoặc văn bằng quốc tế liên quan đến lĩnh vực, ngành đăng ký xét tuyển của các đơn vị như Bộ Khoa học và Công nghệ, Microsoft, Cisco, ARENA, APTECH. (Chứng chỉ MOS có điểm từ 700 trở lên; Chứng chỉ IT Passport/FE theo chuẩn CNTT Nhật bản do Bộ KH-CN cấp; Chứng chỉ nghề nghiệp ACCP/ DISM/ HDSE/ ACNA/ CPISM do Aptech cấp; CCENT, CCT, CCNA do Cisco cấp). - Chứng nhận giải thưởng các cuộc thi Học sinh giỏi cấp tỉnh/TP, Khoa học Kỹ thuật cấp tỉnh/TP, Olympic truyền thống 30-4. - Có chứng nhận Vận động viên (VĐV) cấp I quốc gia hoặc đăng cấp dự bị kiện tướng quốc gia, quốc tế; hoặc đạt huy chương tại Đại hội TDTT toàn quốc, Hội khỏe Phù đồng khu vực/toàn quốc, các giải thể thao học sinh toàn quốc, các giải trẻ quốc gia và quốc tế; Huấn luyện viên đội tuyển quốc gia, đội tuyển trẻ quốc gia được Tổng cục TDTT xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ các giải thi đấu trong và ngoài nước. - Có bằng Tốt nghiệp Cao đẳng hoặc tương đương theo quy định của Bộ GDĐT. - Học bạ THPT (nếu là học sinh giỏi 3 năm liên)
402	Bản photo Giấy chứng nhận kết quả Kỳ thi năng lực của ĐHQG năm 2024

Lưu ý: Thí sinh nộp bản photo có công chứng hoặc đem theo bản chính để đối chiếu.

d) Địa điểm và cách nộp hồ sơ xét tuyển sớm

Thí sinh đăng ký hồ sơ xét tuyển sớm cho Trường theo cách thức như sau:

Cách 1: Đăng ký trực tuyến tại: <http://xettuyen.umd.edu.vn>

Cách 2: Đăng ký trực tiếp (và liên hệ tư vấn, hỗ trợ, giải đáp thắc mắc liên quan đến việc tổ chức xét tuyển của Trường): Phòng Tuyển sinh và Truyền thông Trường Đại học Quản lý và Công nghệ TP.HCM

- Địa chỉ: Tầng 1, Đường 60CL, Khu đô thị Cát Lái, Phường Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. HCM

- Điện thoại: 028 3535 9119

- Email: tuyensinh@umd.edu.vn

Cách 3: Thí sinh chuyển phát nhanh qua bưu điện (trên bì thư ghi rõ “Hồ sơ đăng ký xét tuyển đại học”) theo địa chỉ: Phòng Tuyển sinh và Truyền thông, Trường Đại học Quản lý và Công nghệ TP. HCM – Đường 60CL, Khu đô thị Cát Lái, Phường Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. HCM.

Cách 4: Scan các file và gửi vào email: tuyensinh@umt.edu.vn

e) **Đăng ký xét tuyển chính thức**

Thí sinh đăng ký xét tuyển tại Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GD&ĐT: <https://thisinh.thithptquocgia.edu.vn/>

8. **Chính sách ưu tiên**

Trường thực hiện theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học đã ban hành về ưu tiên đối tượng, khu vực, xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển thẳng đối với phương thức xét tuyển trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024.

Tính điểm ưu tiên: quy định tại điều 7, Quy chế Tuyển sinh của Bộ GD&ĐT ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Quy định về khu vực, đối tượng ưu tiên và mức điểm ưu tiên được thể hiện theo Điều 7, Quy chế Tuyển sinh.

- Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp.

- Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được}) / 7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên}$$

Thời gian đăng ký xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT.

9. **Cam kết của nhà trường trong những trường hợp rủi ro**

Trường cam kết bảo đảm quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro (nếu có) theo pháp luật hiện hành của nhà nước, theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và quy chế tuyển sinh của nhà Trường.

10. **Lệ phí xét tuyển**

Nhằm tạo điều kiện cho thí sinh, trường không thu lệ phí xét tuyển năm 2024 đối với thí sinh đăng ký theo đợt xét tuyển sớm và đợt xét tuyển bổ sung.

Thí sinh đóng lệ xét tuyển theo quy định trong đợt xét tuyển chung của Bộ GD&ĐT.

11. **Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)**

Học phí quy định cho toàn bộ khóa học được công bố vào đầu khóa học. Trường Đại học UMT cam kết không tăng học phí trong suốt khóa học.

Học phí cho khóa tuyển sinh năm 2024 của các ngành không giống nhau, phụ thuộc vào lộ trình học tập của sinh viên dự kiến từ 315 triệu đồng đến 392 triệu đồng.

Học phí không bao gồm học phí các học phần học lại, học cải thiện, học thêm.

12. Tài chính

Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của nhà trường: 56,585 tỷ đồng.

Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: từ 75 triệu đồng.

13. Thông tin tuyển sinh các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước: Không có

14. Thông tin về doanh nghiệp hợp tác đào tạo: Không có

15. Các thông tin triển khai áp dụng cơ chế đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học: Không có.

Ngày 14 tháng 6 năm 2024

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Huỳnh Thúy Phương



Mẫu số 03: Báo cáo các điều kiện đảm bảo chất lượng

CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

1. Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/2023 (Người học)

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ngành	Quy mô đào tạo
A	SAU ĐẠI HỌC		
B	ĐẠI HỌC		303
	Đại học chính quy		
1	Quản trị kinh doanh	7340101	31
2	Bất động sản	7340116	0
3	Marketing	7340115	34
4	Kinh doanh quốc tế	7340120	18
5	Công nghệ thông tin	7480201	128
6	Quản lý thể dục thể thao	7810301	18
7	Truyền thông đa phương tiện	7320104	52
8	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	22

2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

- Tổng diện tích đất của trường (ha): 71,854 m²
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: 72
- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy:

STT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	41	6001
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	1	670
1.2	Giảng đường từ 100 - 200 chỗ	8	1680
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	11	1150
1.4	Số phòng dưới 50 chỗ	16	838
1.5	Số phòng học đa phương tiện	0	0
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	5	1663

STT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m2)
2	Thư viện, trung tâm học liệu	1	335.5
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	10	7208
	TỔNG	52	13544.5

3. Danh sách giảng viên

STT	Họ và tên	Trình độ	Chức danh khoa học	Chuyên môn đào tạo	Ngành giảng dạy
1	Trần Minh Quang	Thạc sĩ		Tài chính - Ngân hàng	Bất động sản
2	Mai Xuân Thanh	Thạc sĩ		Quản trị kinh doanh	Bất động sản
3	Lê Hữu Quân	Thạc sĩ		Quản trị kinh doanh	Bất động sản
4	Ngô Mạnh Duy	Thạc sĩ		Quản trị tài chính	Bất động sản
5	Ngô Việt Trung	Thạc sĩ		Quy hoạch vùng và đô thị	Bất động sản
6	Lê Vĩnh Phước	Thạc sĩ		Kỹ thuật cơ khí	Bất động sản
7	Hồ Hữu Xuyên	Thạc sĩ		Kỹ thuật cơ khí	Bất động sản
8	Nguyễn Thị Quý Tinh	Thạc sĩ		Quản trị kinh doanh	Bất động sản
9	Nguyễn Xuân Minh Đức	Thạc sĩ		Tài chính - Ngân hàng	Bất động sản
10	Nguyễn Phúc Lam Thy	Tiến sĩ		Tài chính - Ngân hàng	Bất động sản
11	Lê Thị Nguyệt Châu	Thạc sĩ		Khoa học máy tính	Công nghệ thông tin
12	Nguyễn Thiên Bình	Tiến sĩ		Khoa học máy tính	Công nghệ thông tin
13	Huỳnh Bá Lân	Tiến sĩ		Toán học	Công nghệ thông tin
14	Trương Bá Vĩnh	Thạc sĩ		Khoa học máy tính	Công nghệ thông tin
15	Bùi Tường Thụy	Thạc sĩ		Kỹ thuật điện	Công nghệ thông tin
16	Võ Đình Văn	Thạc sĩ		Nhân học	Công nghệ thông tin
17	Trần Lưu Cường	Tiến sĩ		Vật lý kỹ thuật	Công nghệ thông tin
18	Trần Trung Thu	Thạc sĩ		Kinh tế phát triển	Công nghệ thông tin
19	Nguyễn Tấn Trung	Tiến sĩ		Toán học	Công nghệ thông tin
20	Trần Đan Thu	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin
21	Trần Chí Hiếu	Thạc sĩ		Khoa học máy tính	Công nghệ thông tin
22	Đinh Lê Hoàng Anh	Thạc sĩ		Hệ thống thông tin	Công nghệ thông tin
23	Nguyễn Minh Cường	Thạc sĩ		Khoa học máy tính	Công nghệ thông tin
24	Mai Hoàng Xuân Lâm	Thạc sĩ		Hệ thống thông tin	Công nghệ thông tin
25	Trần Minh Tuấn	Thạc sĩ		Hệ thống thông tin	Công nghệ thông tin
26	Nguyễn Thị Bích Ly	Thạc sĩ		Giáo dục học	Công nghệ thông tin
27	Nguyễn Mạnh Cường	Thạc sĩ		Khoa học quản lý	Công nghệ thông tin
28	Trần Minh Nhựt	Thạc sĩ		Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế
29	Cù Việt Dũng	Thạc sĩ		Kinh doanh quốc tế	Kinh doanh quốc tế
30	Lâm Huy Phương	Thạc sĩ		Kinh doanh thương mại	Kinh doanh quốc tế
31	Nguyễn Hữu Thành Tâm	Tiến sĩ		Kinh tế học	Kinh doanh quốc tế
32	Bùi Thị Lan Hương	Tiến sĩ		Kinh tế học	Kinh doanh quốc tế

STT	Họ và tên	Trình độ	Chức danh khoa học	Chuyên môn đào tạo	Ngành giảng dạy
33	Nguyễn Việt Huy	Thạc sĩ		Kinh doanh quốc tế	Kinh doanh quốc tế
34	Nguyễn Quang Dũng	Thạc sĩ		Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế
35	Trần Thị Kim Cúc	Thạc sĩ		Quan hệ quốc tế	Kinh doanh quốc tế
36	Huỳnh Thúy Phương	Thạc sĩ		Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế
37	Nguyễn Thị Hà Thanh	Thạc sĩ		Kinh tế phát triển	Kinh doanh quốc tế
38	Bùi Thị Mai Vy	Thạc sĩ		Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế
39	Lê Văn Nam	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật xây dựng	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
40	Nguyễn Ngọc Phương Thành	Thạc sĩ		Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
41	Nguyễn Thị Hoàng Diễm	Thạc sĩ		Quản trị kinh doanh	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
42	Trần Hà Giang	Thạc sĩ		Ngôn ngữ học	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
43	Nguyễn Huỳnh Phước An	Thạc sĩ		Kinh doanh thương mại	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
44	Hoàng Gia Thịnh	Tiến sĩ		Kinh tế học	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
45	Lê Đức Thọ	Tiến sĩ		Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
46	Nhan Thanh Trang	Thạc sĩ		Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
47	Lâm Thùy Trang	Thạc sĩ		Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
48	Nguyễn Thị Cúc	Thạc sĩ		Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
49	Nguyễn Hoài Trung	Thạc sĩ		Quản trị kinh doanh	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
50	Hồ Linh Phước	Thạc sĩ		Quản trị kinh doanh	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
51	Phan Thành Nhơn	Thạc sĩ		Quản trị tài chính	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
52	Nguyễn Vũ Thùy Linh	Thạc sĩ		Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
53	Nguyễn Văn Phú	Tiến sĩ		Kinh tế học	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
54	Dương Trần Trí Minh	Thạc sĩ		Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
55	Lương Văn Hà	Tiến sĩ		Khoa học quản lý	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
56	Hồ Thanh Vũ	Thạc sĩ		Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
57	Trần Đình Duy Thảo	Thạc sĩ		Quản trị kinh doanh	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
58	Nguyễn Thị Phượng	Thạc sĩ		Giáo dục học	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng

STT	Họ và tên	Trình độ	Chức danh khoa học	Chuyên môn đào tạo	Ngành giảng dạy
59	Nguyễn Việt Hải	Thạc sĩ		Giáo dục học	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
60	Võ Thị Thúy Ngọc	Thạc sĩ		Quản lý giáo dục	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
61	Đậu Thị Thanh Lũy	Thạc sĩ		Ngôn ngữ Anh	Marketing
62	Trương Hoàng Lương	Tiến sĩ		Kinh tế học	Marketing
63	Hoàng Thị Minh Phương	Thạc sĩ		Quản trị kinh doanh	Marketing
64	Phạm Thị Thanh Thủy	Thạc sĩ		Kinh doanh thương mại	Marketing
65	Bùi Phương Thảo	Tiến sĩ		Marketing	Marketing
66	Phạm Thị Huyền	Thạc sĩ		Quản trị kinh doanh	Marketing
67	Lê Hữu Quang	Thạc sĩ		Quản trị kinh doanh	Marketing
68	Vũ Lê Văn	Thạc sĩ		Quản trị kinh doanh	Marketing
69	Nguyễn Trần Như Oanh	Thạc sĩ		Marketing	Marketing
70	Nguyễn Hữu Hoàng	Thạc sĩ		Marketing	Marketing
71	Nguyễn Trà Giang	Tiến sĩ		Khác	Quản lý thể dục thể thao
72	Nguyễn Trọng Nghĩa	Thạc sĩ		Giáo dục học	Quản lý thể dục thể thao
73	Đỗ Văn Chất	Thạc sĩ		Quản lý thể dục thể thao	Quản lý thể dục thể thao
74	Trần Trọng Lễ	Thạc sĩ		Quản lý thể dục thể thao	Quản lý thể dục thể thao
75	Nguyễn Thị Kim Thi	Thạc sĩ		Quản lý thể dục thể thao	Quản lý thể dục thể thao
76	Lê Thị Hoàng Hảo	Thạc sĩ		Quản trị kinh doanh	Quản lý thể dục thể thao
77	Trần Thái Tân	Tiến sĩ		Quản trị kinh doanh	Quản lý thể dục thể thao
78	Nguyễn Trọng Nguyên	Thạc sĩ		Quản lý thể dục thể thao	Quản lý thể dục thể thao
79	Mai Đạt Thịnh	Thạc sĩ		Quản trị kinh doanh	Quản lý thể dục thể thao
80	Nguyễn Trọng Tú	Thạc sĩ		Quản lý thể dục thể thao	Quản lý thể dục thể thao
81	Nguyễn Thị Hoàng Anh	Thạc sĩ		Quản trị kinh doanh	Quản lý thể dục thể thao
82	Đinh Duy Vinh	Thạc sĩ		Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
83	Dương Thị Thu Hương	Thạc sĩ		Quản trị nhân lực	Quản trị kinh doanh
84	Lưu Nhật Lan	Thạc sĩ		Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
85	Tiết Tông Tuyền	Tiến sĩ		Kinh tế học	Quản trị kinh doanh
86	Hồi Nguyễn Trúc Khuê	Thạc sĩ		Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
87	Nguyễn Hồ Thanh Vân	Thạc sĩ		Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
88	Phạm Thanh Sang	Thạc sĩ		Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
89	Bùi Quang Tuệ	Thạc sĩ		Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
90	Phạm Thị Kim Cương	Tiến sĩ		Kinh tế học	Quản trị kinh doanh
91	Nguyễn Văn Khanh	Thạc sĩ		Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
92	Huỳnh Thị Ngọc Trâm	Thạc sĩ		Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh

STT	Họ và tên	Trình độ	Chức danh khoa học	Chuyên môn đào tạo	Ngành giảng dạy
93	Đặng Thị Thanh Lễ	Thạc sĩ		Giáo dục học	Thiết kế đồ họa
94	Huỳnh Bích Phương	Thạc sĩ		Thiết kế nội thất	Thiết kế đồ họa
95	Nguyễn Quốc Huy	Thạc sĩ		Mỹ thuật ứng dụng	Thiết kế đồ họa
96	Trang Phụng	Tiến sĩ		Lý luận và lịch sử mỹ thuật	Thiết kế đồ họa
97	Nguyễn Thị Tuyết Ngân	Thạc sĩ		Mỹ thuật ứng dụng	Thiết kế đồ họa
98	Nguyễn Hoàng Doanh	Thạc sĩ		Mỹ thuật ứng dụng	Thiết kế đồ họa
99	Hoàng Đức Chính	Thạc sĩ		Quản lý tài nguyên và môi trường	Thiết kế đồ họa
100	Trần Thanh Tài	Thạc sĩ		Mỹ thuật ứng dụng	Thiết kế đồ họa
101	Nguyễn Đình Lữ	Thạc sĩ		Mỹ thuật ứng dụng	Thiết kế đồ họa
102	Lưu Huỳnh Ngọc Quyên	Thạc sĩ		Mỹ thuật ứng dụng	Thiết kế đồ họa
103	Lê Ngọc Thảo Trâm	Thạc sĩ		Mỹ thuật ứng dụng	Thiết kế đồ họa
104	Trần Minh Nhật	Thạc sĩ		Ngôn ngữ Anh	Thiết kế đồ họa
105	Nguyễn Văn Quý	Thạc sĩ		Mỹ thuật tạo hình	Thiết kế đồ họa
106	Lê Kim An Nhiên	Thạc sĩ		Truyền thông quốc tế	Truyền thông đa phương tiện
107	Phạm Hoàng Minh Ngọc	Thạc sĩ		Khoa học thư viện	Truyền thông đa phương tiện
108	Bùi Phan Khánh	Thạc sĩ		Xã hội học	Truyền thông đa phương tiện
109	Huỳnh Thanh Xuân	Thạc sĩ		Khoa học thư viện	Truyền thông đa phương tiện
110	Lê Viêt Thọ	Tiến sĩ		Truyền thông đại chúng	Truyền thông đa phương tiện
111	Nguyễn Việt Hùng	Tiến sĩ		Công nghệ thông tin	Truyền thông đa phương tiện
112	Quách Cảnh Toàn	Thạc sĩ		Báo chí học	Truyền thông đa phương tiện
113	Trần Phan Hoàng Minh	Thạc sĩ		Thiết kế đồ họa	Truyền thông đa phương tiện
114	Đặng Thị Hường	Thạc sĩ		Báo chí học	Truyền thông đa phương tiện
115	Lý Lê Tường Minh	Tiến sĩ		Truyền thông đại chúng	Truyền thông đa phương tiện
116	Nguyễn Hải Trường An	Thạc sĩ		Quản trị kinh doanh	Truyền thông đa phương tiện
117	Nguyễn Thu Hương	Thạc sĩ		Lý luận và lịch sử điện ảnh, truyền hình	Truyền thông đa phương tiện